

Số: 114 /CV-VASEP
V/v đề xuất về phân cấp, cắt giảm,
đơn giản hóa TTHC, ĐKKD lĩnh vực
NNMT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phúc đáp công văn số 7554/BNMT-PC ngày 10/7/2026 của Bộ NNMT về việc đề xuất nội dung phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) trân trọng cảm ơn Quý Bộ đã quan tâm, ghi nhận và tạo cơ hội để các tổ chức đại diện doanh nghiệp phản ánh thực tiễn chính sách pháp luật, qua đó cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp (DN) Việt Nam.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các DN hội viên và rà soát các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản, Hiệp hội đã tổng hợp một số nội dung về những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các quy định về TTHC, kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và xin báo cáo với Quý Bộ 02 nhóm nội dung chính như sau:

1. **Nhóm về các đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và hoàn thiện các quy định Quản lý Nhà nước đối với chuỗi cung ứng thủy sản:** nội dung báo cáo-đề xuất chi tiết được trình bày tại Mục I Phần A tại Phụ lục gắn kèm;
2. **Nhóm về các đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và sửa đổi các quy định quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm tra, thẩm định, chứng nhận ATTP và chứng nhận lô hàng thủy sản XK:** Trong 3 tháng qua, VASEP đã chủ động nghiên cứu, đối chiếu, rà soát kỹ và có 2 văn bản báo cáo, đề xuất cụ thể tới Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển Thị trường (NAFIQPM) và hiện đang được Cục NAFIQPM xem xét, gồm:
 - Văn bản số **86/CV-VASEP** ngày **18/6/2026** về báo cáo kết quả rà soát các cơ hội và kiến nghị xem xét cắt giảm, điều chỉnh, đơn giản hóa một số nội dung trong kiểm tra, thẩm định, chứng nhận ATTP đối với thủy sản xuất khẩu;
 - Văn bản số **100/CV-VASEP** ngày **06/7/2026** về báo cáo, kiến nghị tháo gỡ vướng mắc trong kiểm tra, chứng nhận xuất khẩu còi điệp Việt Nam vào EU.

Bản tổng hợp báo cáo, đề xuất các cơ hội về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại nhóm nội dung số **(2)** kể trên, xin xem tại Mục II Phần A Phụ lục gắn kèm. Hiệp hội xin gửi kèm theo 02 văn bản (số 86 & số 100) nêu trên để Quý Bộ và các Đơn vị thuộc Bộ tham khảo trong quá trình xem xét, hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách TTHC đối với lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành.

Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, tại thời điểm rà soát, Hiệp hội chưa có kiến nghị.

Hiệp hội trân trọng đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Đơn vị trực thuộc có liên quan của Quý Bộ xem xét các nội dung báo cáo, đề xuất cơ hội cắt giảm, đơn giản hóa

nhằm giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất khẩu của doanh nghiệp - góp phần thực hiện mục tiêu phát triển “hai con số”.

Hiệp hội VASEP cùng các DN hội viên cam kết và sẵn sàng phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị thuộc Bộ trong quá trình trao đổi, đánh giá tác động, cung cấp thông tin và dữ liệu thực tiễn để hoàn thiện các phương án sửa đổi.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế (Bộ NNMT);
- Cục NAFIQPM;
- Cục TSKN;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD tại Hà Nội;
- Lưu VPHH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam

**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT PHÂN CẤP, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, ĐKKD LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo công văn số 114/CV-VASEP ngày 23/7/2026)

-----o0o-----

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và hoàn thiện các quy định Quản lý Nhà nước đối với chuỗi cung ứng thủy sản:

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
1	Quy định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP chưa phù hợp với cảng cá công lập Theo Thông tư 17/2025/TT-BNNMT, hiện nay các cảng cá công lập không thể xin cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do không có <u>Giấy Đăng ký Kinh doanh</u>. Đây cũng là quy định tại điều 36, Luật ATTP 2010. <i>Bởi vậy, trong thời gian hiện tại tháng 6 & tháng 7/2026, một số cảng cá ở các địa phương đang khá lúng túng trong</i>	Đề nghị Bộ NNMT xem xét, rà soát để có hướng dẫn khai thông cho điểm nghẽn TTHC này nhằm giúp các các cảng cá có thể được cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để duy trì “điều kiện” sản xuất bình thường & liên tục của chuỗi cung ứng thủy sản.	- Luật An toàn thực phẩm quy định hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP phải có <u>bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>; tuy nhiên phần lớn cảng cá công lập là đơn vị sự nghiệp công lập, được thành lập theo quyết định của CQNN có thẩm quyền nên không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh. - Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 đã sửa đổi Thông tư 17/2025/TT-BNNMT, theo đó <u>không yêu cầu cơ sở SXKD thực phẩm phải</u>	- Điểm b Khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm. - Điểm b Khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm. - Điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 17/2025/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>việc đề nghị để có đánh giá, chứng nhận & xin cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Điều này làm ảnh hưởng đến “điều kiện” của chuỗi cung ứng sản phẩm hải sản Xk vào EU & các thị trường có yêu cầu.</i>		<u>nộp</u> bản sao Giấy Đăng ký Kinh doanh trong hồ sơ xin cấp giấy CN cơ sở đủ ĐK ATTP. Tuy nhiên, theo trao đổi với một số CQ cũng như thông tin từ các cảng cá công lập cho biết các cơ sở muốn xin Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP vẫn bắt buộc phải có Giấy Đăng ký Kinh doanh. - Mặc dù cảng cá được xác định có vai trò trong chuỗi cung ứng thủy sản khai thác và phải đáp ứng yêu cầu về ATTP, nhưng quy định hiện hành chưa thiết kế cơ chế cấp giấy phù hợp cho loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện tại địa phương. Vướng mắc này ảnh hưởng đến công tác kiểm soát ATTP, truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác, cũng như việc thực hiện các khuyến nghị của EU liên quan đến đảm bảo ATTP.	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 (<i>sửa đổi Khoản 1 Điều 3 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 17/2025/TT-BNNPTNT</i>)
2	Quy định phân vùng khai thác thủy sản chưa phù hợp với đặc điểm thực tế của một số nhóm tàu cá và nghề khai thác	Đề nghị Bộ NNMT xem xét đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản theo hướng quy định nguyên tắc phân vùng và quản lý hoạt động	- Việc phân vùng khai thác hiện nay chủ yếu gắn với tiêu chí chiều dài lớn nhất của tàu cá, chưa phản ánh đầy đủ năng lực hoạt động thực tế, công suất, tải	- Khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản 2017 về quản lý vùng khai thác thủy sản

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>Sau gần 10 năm thực hiện Luật Thủy sản 2017 bao gồm các hoạt động chống khai thác IUU, nhiều lô nguyên liệu hải sản khai thác đã “không đủ điều kiện” để cấp các giấy tờ (S/C, C/C) phục vụ XK vào EU & các nước có yêu cầu kiểm soát IUU – lý do phần nhiều là “khai thác sai tuyến, sai vùng”</i>	khai thác thủy sản phù hợp hơn, có xem xét các yếu tố: đặc điểm nghề khai thác, đối tượng khai thác, ngư trường, chiều dài lớn nhất, công suất, tải trọng và khả năng hoạt động thực tế của tàu cá. Đồng thời giao Chính phủ quy định cơ chế phù hợp đối với một số nghề khai thác đặc thù và trường hợp đặc thù của tàu cá trên cơ sở bảo đảm bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phòng, chống khai thác IUU.	trọng, tính chất nghề khai thác và đặc điểm ngư trường của từng nhóm tàu. - Thực tế có nhiều tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên nhưng công suất nhỏ, tải trọng hạn chế, khả năng hoạt động xa bờ thấp, trong khi nghề khai thác và đối tượng khai thác phù hợp chủ yếu ở vùng lộng. - Tại một số khu vực biển đặc thù, việc xác định ranh giới giữa vùng lộng và vùng khơi chưa thực sự phù hợp với điều kiện tự nhiên, ngư trường và tập quán khai thác, dẫn đến hạn chế hoạt động khai thác hợp pháp của ngư dân. - Việc thiếu cơ chế linh hoạt đối với các trường hợp đặc thù làm giảm hiệu quả sản xuất, tăng chi phí chuyển biến, ảnh hưởng đến sinh kế hợp pháp của ngư dân và nguồn cung nguyên liệu khai thác hợp pháp cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.	- Nghị định 41/2026/NĐ-CP: ▪ Điều 24 về vùng khai thác thủy sản ▪ Điều 25 về Quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam
3	Chưa có quy định về số hóa, liên thông và chia sẻ dữ liệu trong quản lý chuỗi cung ứng thủy sản từ khai thác,	Đề xuất bổ sung vào Điều 61 Luật Thủy sản các nguyên tắc về số hóa,	- Tạo cơ sở pháp lý để xây dựng hệ thống số hóa thống nhất trên phạm vi cả nước, tránh tình trạng mỗi địa	Điều 61 Luật Thủy sản 2017 về xác nhận, chứng nhận nguồn

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	nuôi trồng đến chế biến, xuất khẩu: <i>Luật Thủy sản chưa quy định nguyên tắc liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý, cảng cá và doanh nghiệp; chưa tạo cơ sở pháp lý cho việc số hóa hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục và thống nhất thực hiện trên toàn quốc.</i>	liên thông và chia sẻ dữ liệu trong chuỗi cung ứng thủy sản, cụ thể: - Việc cấp các loại giấy chứng nhận phục vụ xuất khẩu (C/S, C/C, P/S, CoA và các giấy tờ tương đương) phải được thực hiện trên nền tảng số hóa, cho phép doanh nghiệp kê khai trực tuyến, giảm tối đa thành phần hồ sơ giấy. - Giao Chính phủ xây dựng hệ thống dữ liệu xuyên suốt chuỗi cung ứng thủy sản; quy định cơ chế liên thông, chia sẻ và sử dụng dữ liệu giữa cơ quan trung ương, địa phương, cảng cá và các tổ chức, cá nhân liên quan; bảo đảm nguyên tắc “Một lần khai báo - Nhiều lần sử dụng”, phù hợp với quản lý rủi ro, yêu cầu chống khai thác IUU và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.	phương thực hiện theo một cách khác nhau. - Giảm thành phần hồ sơ giấy, giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. - Hạn chế sai sót do kê khai thủ công, nâng cao tính chính xác và minh bạch của dữ liệu truy xuất nguồn gốc. - Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, chống khai thác IUU của các thị trường nhập khẩu. - Thẻ chế hóa ngay trong Luật các nguyên tắc cơ bản về số hóa, liên thông dữ liệu và đơn giản hóa thủ tục hành chính, làm cơ sở để Chính phủ sửa đổi, hoàn thiện các Nghị định và Thông tư hướng dẫn sau này.	gốc thủy sản từ khai thác.
4	Chưa có quy định về nguyên tắc quản lý truy xuất nguồn gốc phù hợp với	Đề nghị bổ sung vào Điều 61 Luật Thủy sản nguyên tắc áp dụng cơ chế quản lý phù hợp đối với nghề cá quy mô nhỏ và nghề khai thác đặc thù, theo	- Bảo đảm quản lý phù hợp với đặc điểm của nghề cá quy mô nhỏ, giảm gánh nặng thủ tục nhưng vẫn bảo đảm khả	Điều 61 Luật Thủy sản năm 2017 về xác nhận, chứng nhận

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	ngành cá quy mô nhỏ và đặc thù nghề khai thác: <i>Việt Nam có số lượng lớn tàu cá nhỏ, chuyển biển ngắn, sản lượng phân tán, nhiều điểm lên cá và qua nhiều khâu thu mua trung gian. Nếu áp dụng chung một cơ chế ghi chép, xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc như đối với tàu cá quy mô lớn sẽ làm phát sinh nhiều thủ tục không cần thiết, khiến một số nguồn nguyên liệu khai thác hợp pháp (như ruốc biển, ghe, ...) khó tham gia chuỗi cung ứng phục vụ chế biến, xuất khẩu.</i>	đó cho phép áp dụng thủ tục đơn giản hóa đối với hoạt động ghi chép, xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc; giao Chính phủ quy định cụ thể đối với từng nhóm nghề, loại tàu và phương thức khai thác.	năng truy xuất nguồn gốc và kiểm soát khai thác hợp pháp. - Tạo điều kiện để nguồn nguyên liệu hợp pháp được tham gia chuỗi chế biến, xuất khẩu, góp phần bảo đảm sinh kế ngư dân và đáp ứng yêu cầu chống khai thác IUU theo hướng quản lý rủi ro, phù hợp thực tiễn Việt Nam.	nguồn gốc thủy sản từ khai thác.
5	Chưa có chính sách tổng thể về phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến và xuất khẩu. <i>Luật Thủy sản chưa quy định đầy đủ chính sách phát triển nguồn nguyên liệu từ nuôi trồng, khai thác trong nước và nguyên liệu thủy sản nhập khẩu hợp pháp. Các chính sách hiện hành còn phân tán theo từng lĩnh vực, chưa gắn kết với nhu cầu của ngành chế biến,</i>	Đề nghị bổ sung vào Điều 6 Luật Thủy sản về chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản các nguyên tắc sau: - Có chính sách phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản hợp pháp, ổn định, bảo đảm chất lượng và có khả năng truy xuất nguồn gốc phục vụ chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển vùng sản xuất nguyên	- Nguồn nguyên liệu là nền tảng quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của ngành chế biến, xuất khẩu thủy sản. Việc bổ sung chính sách tổng thể ngay trong Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý để phát triển đồng bộ nguồn nguyên liệu từ nuôi trồng, khai thác và nhập khẩu hợp pháp, thúc đẩy liên kết chuỗi giữa người nuôi, ngư dân, doanh nghiệp thu mua, chế biến và xuất khẩu.	Điều 6 Luật Thủy sản 2017 về chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>xuất khẩu và phát triển chuỗi cung ứng thủy sản.</i>	liệu tập trung, hạ tầng phục vụ nuôi trồng và khai thác thủy sản; hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, kiểm soát dịch bệnh, giảm tổn thất sau thu hoạch và chi phí sản xuất; thúc đẩy liên kết chuỗi giữa sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác, cung ứng nguyên liệu, chế biến và thị trường. - Giao Chính phủ quy định chi tiết chính sách, chương trình phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến và xuất khẩu phù hợp với chiến lược phát triển ngành thủy sản và yêu cầu của thị trường.	- Đây cũng là cơ sở để Nhà nước xây dựng các chương trình đầu tư, hỗ trợ và huy động nguồn lực phát triển vùng nguyên liệu, góp phần nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh của thủy sản Việt Nam và đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của thị trường nhập khẩu về tính hợp pháp, phát triển bền vững và truy xuất nguồn gốc.	

II. Đề xuất các cơ hội cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và sửa đổi các quy định quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm tra, thẩm định, chứng nhận ATTP và chứng nhận lô hàng thủy sản XK (theo nội dung văn bản số 86/CV-VASEP ngày 18/6/2026 và 100/CV-VASEP ngày 06/7/2026 đã báo cáo gửi Cục NAFIQPM):

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
1	Điều kiện chuyển chế độ kiểm tra quá dài và chưa phản ánh đầy đủ mức độ tuân thủ thực tế của doanh nghiệp. <i>Điều 16 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT quy định:</i> - Từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường: phải có ít nhất 05 lô hàng đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 ngày làm việc; - Từ kiểm tra thông thường sang kiểm tra giảm: phải duy trì tốt điều kiện ATTP tối thiểu 06 tháng. <i>Như vậy, thời gian tối thiểu từ kiểm tra chặt đến kiểm tra giảm có thể kéo dài gần 07 tháng. Việc phân nhóm sản phẩm quá chi tiết cũng khiến doanh nghiệp khó tích lũy đủ số lô đạt yêu cầu trong đúng nhóm sản phẩm.</i>	Sửa đổi Điều 16 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT theo hướng: 1. Chuyển từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường: bãi bỏ yêu cầu tối thiểu 30 ngày làm việc; chỉ giữ điều kiện có ít nhất 05 lô hàng xuất khẩu liên tiếp, được cấu thành từ các lô sản xuất khác nhau, được kiểm tra và chứng nhận đạt yêu cầu ATTP. 2. Chuyển từ kiểm tra thông thường sang kiểm tra giảm: áp dụng điều kiện nào đến trước: - Duy trì tốt điều kiện ATTP trong tối thiểu 06 tháng; hoặc - Có ít nhất 10 lô hàng xuất khẩu liên tiếp được lấy mẫu kiểm nghiệm và đạt yêu cầu ATTP đối với thị trường yêu cầu H/C.	- Nguyên tắc quản lý rủi ro đòi hỏi tần suất kiểm tra phải dựa trên mức độ rủi ro và lịch sử tuân thủ. - Doanh nghiệp lớn có thể hoàn thành 05 lô đạt yêu cầu trong 1-2 ngày nhưng vẫn phải chờ gần 30 ngày; phát sinh chi phí kiểm nghiệm và nguy cơ chậm giao hàng. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhỏ có thể mất nhiều tháng mới đủ 05 lô đúng nhóm sản phẩm, dù hệ thống ATTP vẫn đáp ứng yêu cầu. - Chưa có phân tích rủi ro được công bố làm cơ sở cho thời hạn bắt buộc 06 tháng. - Thực tiễn, các quy định tương tự tại EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản chủ yếu dựa trên chuỗi lô hàng đạt yêu cầu và lịch sử tuân thủ, không quy định cứng thời gian tối thiểu.	Điều 16 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT.
2	Chỉ tiêu kim loại nặng đối với thủy sản (XK sang EU và các thị trường chứng nhận theo mẫu thị trường EU) chưa được áp dụng chế độ	Cho phép đưa chỉ tiêu kim loại nặng vào diện <i>kiểm tra giảm</i> với <i>tần suất 1/20 lô</i>, tương đương quy định đã được áp dụng trước đây tại	- Chưa có căn cứ khoa học hoặc thực tiễn rõ ràng để loại chỉ tiêu kim loại nặng khỏi chế độ kiểm tra giảm. - Không có bằng chứng cụ thể cho thấy	Điểm 2 và Điểm 5 Mục I Bảng III Phụ lục VIII Thông tư 80/2025/TT-BNNMT.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	kiểm tra giảm 1/20 lô. <i>Điểm 2 và Điểm 5 Mục I Bảng III Phụ lục VIII Thông tư 80/2025/TT-BNNMT quy định kiểm tra giảm 1/20 lô đối với một số chỉ tiêu như độc tố sinh học của nhuễn thể hai mảnh vỏ, nhưng không áp dụng chế độ tương tự đối với chỉ tiêu kim loại nặng của các nhóm thủy sản.</i> <i>Trong khi đó, quy định trước đây tại Quyết định 1471/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/6/2012 vẫn cho phép kiểm tra giảm đối với chỉ tiêu kim loại nặng với tần suất 1/20 lô.</i>	Quyết định 1471/QĐ-BNN-QLCL.	nguy cơ kim loại nặng tăng đến mức cần áp dụng tần suất kiểm tra cao hơn. - Tần suất kiểm tra cao làm tăng đáng kể chi phí kiểm nghiệm cho doanh nghiệp nhưng chưa tạo ra giá trị quản lý rủi ro tương ứng. - Việc điều chỉnh cần tuân thủ nguyên tắc mức độ kiểm tra tương xứng với rủi ro thực tế.	
3	Xếp tất cả sản phẩm thủy sản đã qua xử lý nhiệt vào nhóm rủi ro cao, không phân biệt sản phẩm ăn liền và sản phẩm phải nấu lại trước khi ăn. <i>Phụ lục IX Thông tư 80/2025/TT-BNNMT xếp “thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua xử lý nhiệt” vào nhóm rủi ro cao. Quy định này bao</i>	Tách sản phẩm đã qua xử lý nhiệt nhưng <i>vẫn phải nấu chín trước khi ăn (nhóm sản phẩm ready-to-cook)</i> khỏi nhóm sản phẩm rủi ro cao; phân biệt rõ với sản phẩm ăn liền (<i>ready-to-eat</i>) mới là sản phẩm rủi ro cao.	- Sản phẩm hấp, chần sơ bộ nhưng phải tiếp tục nấu chín có hồ sơ nguy cơ khác với sản phẩm ăn liền. - Việc xếp chung khiến sản phẩm ready-to-cook phải chịu tần suất lấy mẫu tương đương sản phẩm ăn liền, chưa phù hợp với mức độ rủi ro thực tế. - Codex và các nguyên tắc HACCP phân biệt rõ sản phẩm ăn liền với sản phẩm phải	Phụ lục IX Thông tư 80/2025/TT-BNNMT “Tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm”, Mục (2) của phần Ghi chú về phân loại nhóm sản phẩm rủi ro cao.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>gồm cả những sản phẩm chỉ được hấp, chần sơ bộ để tạo màu hoặc định hình nhưng người tiêu dùng vẫn phải nấu chín trước khi sử dụng.</i>		nấu chín trước khi ăn. Theo tài liệu, không có quy định pháp lý của EU bắt buộc coi mọi sản phẩm đã qua xử lý nhiệt là sản phẩm rủi ro cao; căn cứ được viện dẫn trước đây là theo ý kiến của chuyên gia EU trong một đợt thanh tra EU tại Việt Nam.	
4	Không có hệ số chuyển đổi giới hạn tối đa cho phép (MRL) của kim loại nặng và các chất ô nhiễm đối với thủy sản khô. <i>QCVN 8-2:2011/BYT và Thông tư 80/2025/TT-BNNMT áp dụng cùng giới hạn MRL đối với thủy sản tươi, đông lạnh và thủy sản khô. Trong khi đó, quá trình sấy làm giảm nước, khiến nồng độ chất ô nhiễm tính trên một đơn vị khối lượng sản phẩm khô tăng khoảng 2,5-5 lần tùy mặt hàng.</i> <i>Do đó, một số lô sản phẩm khô có thể đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường NK (EU, Hàn Quốc, ...) nhưng lại không đáp ứng giới hạn áp dụng tại Việt</i>	Đề nghị Bộ NNMT xem xét sửa đổi Thông tư 80/2025/TT-BNNMT và có ý kiến với Bộ Y tế sửa đổi QCVN 8-2:2011/BYT theo hướng: - Cho phép giới hạn áp dụng với thủy sản khô được tính theo công thức: MRL sản phẩm tươi × hệ số làm khô thực tế của từng loại sản phẩm. - Xây dựng hệ số làm khô trên cơ sở dữ liệu khoa học đối với từng mặt hàng thủy sản khô phổ biến và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.	- Quá trình sấy không làm phát sinh tương ứng lượng kim loại nặng mà chủ yếu làm giảm nước, khiến nồng độ tính theo khối lượng sản phẩm tăng lên. - Mức độ phơi nhiễm cần được đánh giá theo lượng sản phẩm thực tế được tiêu thụ, không chỉ dựa trên khối lượng sản phẩm khô. - EU và Hàn Quốc đã cho phép sử dụng hệ số chuyển đổi đối với sản phẩm sấy khô, cô đặc hoặc thay đổi độ ẩm. - Quy định hiện hành làm hạn chế khả năng đưa sản phẩm xuất khẩu dư thừa, dù đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, vào tiêu thụ nội địa; gây lãng phí nguồn lực và giảm khả	- QCVN 8-2:2011/BYT - Bảng III Phụ lục VIII Thông tư 80/2025/TT-BNNMT.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>Nam để được phép tiêu thụ tại thị trường nội địa.</i>		năng linh hoạt của doanh nghiệp.	
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận ATTP (H/C) chưa phù hợp với lô hàng có lịch tàu chạy vào cuối tuần hoặc thứ Hai. <i>Điều 21 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT quy định cấp H/C trong 01 ngày làm việc kể từ khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ. Tuy nhiên, doanh nghiệp thường chỉ có đủ số container, số seal, số vận đơn sau khi hoàn thành đóng hàng vào cuối tuần.</i> <i>Nếu nộp sớm, thông tin có thể chưa chính xác; nếu chờ đủ thông tin thì không kịp cấp H/C trước giờ tàu chạy.</i>	Đề nghị Bộ NNMT xem xét sửa đổi Điều 21 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT theo hướng: - Tàu khởi hành vào thứ Hai: cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến vào thứ Bảy hoặc Chủ nhật; cơ quan xử lý trong ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. - Tàu khởi hành vào thứ Bảy hoặc Chủ nhật: cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ muộn nhất vào thứ Sáu và cấp H/C trong thứ Sáu cùng ngày. - Cục NAFIQPM và đơn vị trực thuộc bố trí cán bộ trực nhận, xử lý hồ sơ cuối tuần hoặc ngoài giờ khi cần thiết.	- Hoạt động logistics và tàu biển vận hành liên tục 07 ngày/tuần, trong khi thủ tục hành chính chủ yếu thực hiện trong ngày làm việc. - Nộp hồ sơ sớm để sai số container, seal, vận đơn; nộp theo thông tin thực tế có nguy cơ không kịp thời hạn cấp chứng thư. - Chậm cấp H/C có thể dẫn đến lỡ tàu, phát sinh phí lưu kho, lưu bãi, mất đơn hàng và ảnh hưởng uy tín giao hàng. - Việc cho phép nộp hồ sơ điện tử ngoài giờ phù hợp với chủ trương chuyển đổi số và đơn giản hóa thủ tục hành chính.	Điều 21 Thông tư 80/2025/TT-BNNMT về thẩm định, cấp chứng thư
6	Áp dụng đồng thời hai cơ chế xử lý đối với cơ sở có lô hàng bị EU cảnh báo tồn dư kháng sinh.	- Bãi bỏ Quyết định 3328/QĐ-BNN-QLCL. - Khi có lô hàng bị EU cảnh báo	- Quyết định 3328 được ban hành trong bối cảnh chưa có cơ chế xử lý đầy đủ như Thông tư 80; việc tiếp tục áp dụng sau khi đã ban	Quyết định 3328/QĐ-BNN-QLCL ngày 15/8/2016 về tạm

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>Theo Quyết định 3328/QĐ-BNN-QLCL, cơ sở bị tạm ngừng cấp H/C cho toàn bộ sản phẩm xuất khẩu sang EU cho đến khi hoàn thành điều tra, khắc phục và được Cục NAFIQPM thẩm tra đạt yêu cầu.</i> <i>Trong khi đó, Thông tư 80 đã có cơ chế chuyển cơ sở sang kiểm tra chặt, kiểm tra 100% lô hàng và yêu cầu điều tra, khắc phục. Doanh nghiệp vì vậy có thể vừa bị kiểm tra chặt, vừa bị dừng hoàn toàn việc cấp H/C.</i>	tồn dư kháng sinh, chỉ áp dụng cơ chế của Thông tư 80/2025/TT-BNNMT: 1. Chuyển sang kiểm tra chặt, kiểm tra 100% lô hàng; 2. Yêu cầu doanh nghiệp điều tra nguyên nhân; 3. Thực hiện và báo cáo hành động khắc phục trong thời hạn quy định; 4. Không đồng thời áp dụng biện pháp tạm ngừng cấp H/C cho toàn bộ hàng xuất sang EU.	hành Thông tư 80 làm phát sinh chồng chéo. - Doanh nghiệp phải chịu “biện pháp kép”: vừa tăng chi phí do kiểm tra 100% lô hàng, vừa không được xuất khẩu trong thời gian khắc phục. - Việc đình chỉ toàn bộ hàng hóa không phân biệt sản phẩm, nguyên nhân và lô sản xuất có thể không tương xứng với mức độ vi phạm. - Theo tài liệu, EU chủ yếu tăng tần suất kiểm tra tại biên giới đối với các lô tiếp theo, không bắt buộc nước xuất khẩu dừng cấp chứng thư cho toàn bộ sản phẩm. - Đình chỉ kéo dài gây đứt gãy đơn hàng, tăng chi phí lưu kho và nguy cơ mất khách hàng EU.	ngừng cấp chứng thư cho cơ sở có lô hàng bị EU cảnh báo tồn dư hóa chất, kháng sinh.
7	Chưa có hệ thống dữ liệu mã số vùng nuôi thống nhất cấp quốc gia và cơ sở dữ liệu điện tử công khai phục vụ truy xuất nguồn gốc. <i>Mặc dù pháp luật đã quy định việc đăng ký và cấp mã số cơ sở nuôi trồng thủy sản, việc triển khai còn chưa đồng bộ, đặc biệt đối với các hộ nuôi nhỏ lẻ. Do chưa có cơ sở dữ liệu tập</i>	Đề nghị Bộ NNMT chỉ đạo: - Xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu <u>mã số vùng nuôi thống nhất cấp quốc gia</u> đối với các loài thủy sản nuôi có kim ngạch xuất khẩu đáng kể; ưu tiên tôm, cá tra, rô phi, cá chêm và nhuyễn thể. - Công khai bản đồ vùng nuôi và	- Nhiều thị trường nhập khẩu lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ thông qua Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy sản (SIMP), yêu cầu doanh nghiệp khai báo mã số cơ sở nuôi hoặc vùng nuôi (farm/aquaculture site identifier) để phục vụ truy xuất nguồn gốc. - Hiện nay, phần lớn ao nuôi thủy sản, đặc biệt là ao nuôi tôm, có quy mô nhỏ lẻ, phân tán theo hộ gia đình và chưa được	Điều 20, 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>trung và công khai, doanh nghiệp phải tự thu thập hoặc đăng ký thông tin với từng địa phương, làm tăng chi phí tuân thủ, thiếu tính thống nhất và tiềm ẩn rủi ro khi khai báo truy xuất nguồn gốc đối với các thị trường nhập khẩu.</i>	cơ sở dữ liệu mã số vùng nuôi trên cổng thông tin điện tử chính thức để doanh nghiệp có thể tra cứu, truy xuất và sử dụng trong hồ sơ xuất khẩu. - Trong giai đoạn chuyển tiếp, đề nghị ban hành hướng dẫn thống nhất cho phép doanh nghiệp sử dụng thông tin địa chỉ ao nuôi, vùng nuôi hoặc xác nhận của cơ quan địa phương làm căn cứ khai báo truy xuất nguồn gốc.	cấp mã số thống nhất trên phạm vi toàn quốc. - Chưa có cơ sở dữ liệu mã số vùng nuôi công khai do cơ quan quản lý nhà nước vận hành, khiến doanh nghiệp phải tự đăng ký hoặc tự xây dựng hệ thống nhận diện riêng, làm tăng chi phí tuân thủ và tiềm ẩn rủi ro về tính thống nhất, hợp pháp của thông tin truy xuất nguồn gốc. - Doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe của các thị trường nhập khẩu (như EU, Hoa Kỳ, ...), làm giảm năng lực cạnh tranh và gia tăng rủi ro trong hoạt động xuất khẩu. - Việc xây dựng cơ sở dữ liệu mã số vùng nuôi thống nhất góp phần tăng cường quản lý nhà nước, hỗ trợ chuyển đổi số ngành thủy sản, nâng cao tính minh bạch chuỗi cung ứng và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về truy xuất nguồn gốc.	

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
8	Chưa có cơ chế pháp lý cho phép chuyển mục đích sử dụng đối với nguyên liệu thủy sản nhập khẩu. <i>Hiện pháp luật chưa quy định quy trình kiểm dịch và kiểm tra ATTP khi chuyển nguyên liệu thủy sản nhập khẩu giữa các loại hình: (i) từ nhập khẩu để sản xuất, gia công xuất khẩu sang tiêu thụ nội địa và (ii) từ nhập khẩu để tiêu thụ nội địa sang sản xuất, gia công xuất khẩu.</i> <i>Khoảng trống này khiến cơ quan quản lý không có căn cứ xử lý hồ sơ, mặc dù doanh nghiệp có đầy đủ điều kiện về truy xuất nguồn gốc, bảo quản và sẵn sàng thực hiện các yêu cầu kiểm dịch, kiểm tra ATTP theo quy định</i>	Đề nghị bổ sung cơ chế chuyển mục đích sử dụng đối với nguyên liệu thủy sản nhập khẩu trong Luật Thú y, Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn dưới luật theo hướng: - Cho phép chuyển mục đích sử dụng giữa các loại hình: (a) nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu/gia công xuất khẩu sang tiêu thụ nội địa; và (b) nhập khẩu để tiêu thụ nội địa sang sản xuất xuất khẩu/gia công xuất khẩu. - Doanh nghiệp thực hiện tờ khai hải quan mới, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về kiểm dịch, kiểm tra ATTP, thuế, phí, lệ phí và chính sách quản lý hàng hóa theo quy định tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng. - Cho phép thực hiện kiểm dịch, kiểm tra ATTP bổ sung trên cơ sở hồ sơ truy xuất nguồn gốc,	- Việc bổ sung cơ chế này sẽ khắc phục khoảng trống pháp lý giữa pháp luật hải quan, thú y và an toàn thực phẩm, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý xử lý các trường hợp phát sinh trong thực tiễn thay vì buộc doanh nghiệp phải tái xuất, tiêu hủy hoặc lưu kho kéo dài gây lãng phí nguồn lực xã hội. - Kiến nghị vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước thông qua các điều kiện về truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch, kiểm tra ATTP, điều kiện bảo quản, ghi nhãn và hậu kiểm, đồng thời phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro của Hiệp định SPS của WTO và thông lệ quốc tế. - Việc hoàn thiện cơ chế này sẽ tăng tính linh hoạt cho hoạt động sản xuất, chế biến và xuất khẩu, giảm chi phí tuân thủ, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ngành thủy sản theo Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030	- Luật Thú y 2015: • Điều 44, Điều 45 về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu. • Điều 46 về xử lý đối với sản phẩm động vật nhập khẩu thuộc diện kiểm dịch. - Luật An toàn thực phẩm 2010: • Điều 38 về kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. • Điều 39 về phương thức kiểm tra thực phẩm nhập khẩu. - Nghị định 15/2018/NĐ-CP: • Điều 13, Điều 16

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
		hồ sơ lưu kho, điều kiện bảo quản, dữ liệu nhiệt độ và tình trạng thực tế của lô hàng còn tồn kho. - Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro, chỉ cho phép chuyển đổi đối với các lô hàng còn truy xuất được nguồn gốc, bảo đảm điều kiện bảo quản, còn thời hạn sử dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu ghi nhãn theo quy định. - Đối với chiều chuyển từ nhập khẩu tiêu thụ nội địa sang sản xuất xuất khẩu/gia công xuất khẩu, áp dụng thủ tục rút gọn trên cơ sở hồ sơ nhập khẩu, kết quả kiểm tra trước đó và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.		và các quy định về kiểm tra ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu. - Thông tư 06/2022/TT-BNNPTNT: • Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ NN&PTNT (sửa đổi Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT về Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản miễn kiểm dịch).
9	Chưa thống nhất cơ chế kiểm tra và cấp Giấy Chứng nhận ATTP	Đề nghị Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường:	- Hiện tồn tại nghịch lý là nhiều lô hàng xuất khẩu sang thị trường khó tính, thuộc diện	Các quy định hiện hành của NAFAQPM

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	(Health Certificate - H/C) đối với lô hàng xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng hoặc thị trường không bắt buộc kiểm tra nhà nước. <i>Hiện các Trung tâm vùng của Cục NAFIQPM vẫn áp dụng kiểm tra 100% đối với các lô hàng này, trong khi nhiều lô hàng xuất khẩu sang thị trường bắt buộc kiểm tra nhà nước lại được áp dụng phương thức quản lý rủi ro với tỷ lệ kiểm tra thấp hơn.</i> <i>Việc áp dụng chưa thống nhất giữa các nhóm thị trường và chưa có hướng dẫn chung trên phạm vi toàn quốc làm phát sinh chi phí, kéo dài thời gian xuất khẩu và chưa phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro</i>	- Ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất (Guideline) áp dụng trên toàn hệ thống đối với việc kiểm tra, cấp H/C theo yêu cầu của khách hàng hoặc thị trường không bắt buộc kiểm tra nhà nước. - Áp dụng cơ chế kiểm tra giảm theo lộ trình đối với doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt, tương tự cơ chế đang áp dụng cho các thị trường bắt buộc kiểm tra nhà nước. - Chuyển từ phương thức kiểm tra 100% sang phương thức quản lý rủi ro dựa trên lịch sử tuân thủ của doanh nghiệp (compliance history), kết quả kiểm soát nội bộ và hồ sơ năng lực của cơ sở chế biến.	- kiểm soát ATTP bắt buộc, lại được áp dụng cơ chế kiểm tra giảm (5-20%), trong khi lô hàng đi thị trường không bắt buộc kiểm tra nhà nước nhưng chỉ yêu cầu H/C thương mại lại bị kiểm tra 100%, chưa phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro. - Việc các Trung tâm vùng áp dụng cơ chế kiểm tra 100% theo các cách hiểu khác nhau cho thấy chưa có hướng dẫn thống nhất ở cấp trung ương, dẫn đến chưa đồng nhất trong thực thi trên toàn quốc. - Kiểm tra 100% đối với các lô hàng rủi ro thấp làm gia tăng chi phí lưu kho, kiểm nghiệm, kéo dài thời gian giao hàng và làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. - Đề xuất phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro được áp dụng phổ biến trong quản lý ATTP hiện đại và phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ, giúp cơ quan quản lý tập trung nguồn lực kiểm tra đối với sản phẩm, doanh nghiệp hoặc thị trường có rủi ro cao thay vì phân bổ nguồn	về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu theo yêu cầu thương mại của khách hàng.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
			lực đồng đều cho mọi lô hàng.	
10	Chưa có hướng dẫn thống nhất về kiểm tra, chứng nhận ATTP đối với còi điệp (adductor muscle of Pectinidae) xuất khẩu vào EU phù hợp với quy định hiện hành của EU. <i>Hiện Việt Nam vẫn yêu cầu còi điệp khai thác trong nước phải có nguồn gốc từ vùng thu hoạch thuộc Chương trình giám sát nhuyễn thể hai mảnh vỏ để được chứng nhận xuất khẩu sang EU, trong khi quy định của EU đã miễn yêu cầu này đối với còi điệp đã tách hoàn toàn nội tạng và tuyển sinh dục nếu đáp ứng tiêu chuẩn ATTP. Điều này làm phát sinh sự khác biệt trong áp dụng giữa nguyên liệu trong nước và nguyên liệu nhập khẩu, hạn chế khả năng khai thác nguồn nguyên liệu hợp pháp của Việt Nam</i>	Đề nghị Cục NAFIQPM ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng cơ chế kiểm tra, chứng nhận ATTP đối với còi điệp xuất khẩu sang EU theo hướng: - Cho phép còi điệp đã tách vỏ, loại bỏ hoàn toàn nội tạng và tuyển sinh dục được khai thác ngoài vùng thu hoạch được phân loại vẫn được chứng nhận xuất khẩu vào EU nếu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn vi sinh theo quy định của EU. - Ban hành hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục kiểm tra, chứng nhận đối với nguyên liệu khai thác ngoài vùng được phân loại; quy định rõ trách nhiệm tự kiểm soát của doanh nghiệp và cơ chế xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. - Thống nhất áp dụng mẫu	- Kiến nghị này không làm thay đổi mục tiêu quản lý an toàn thực phẩm mà nhằm bảo đảm việc áp dụng của Việt Nam phù hợp với quy định hiện hành của EU và nguyên tắc công nhận tương đương (equivalence) trong Hiệp định SPS của WTO. - Quy định của EU đã cho phép còi điệp được khai thác ngoài vùng thu hoạch được phân loại nếu đáp ứng các tiêu chuẩn vi sinh và điều kiện kiểm soát tương ứng. - Nhiều cơ quan có thẩm quyền như Canada và Vương quốc Anh cũng phân loại còi điệp thuộc nhóm <i>Fishery Products</i> thay vì <i>Live Bivalve Molluscs</i>. - Việc Việt Nam sớm ban hành hướng dẫn thống nhất sẽ tạo cơ sở pháp lý để tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu trong nước, bảo đảm đối xử thống nhất giữa nguyên liệu trong nước và nhập khẩu, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, mở rộng cơ hội xuất khẩu sang EU mà vẫn bảo đảm đầy đủ	Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT: - Điều 22, Điều 23 về kiểm soát điệp, chân bụng biển ngoài vùng được phân loại. - Phụ lục XVII: Quy định lấy mẫu thẩm tra đối với điệp, chân bụng biển ngoài vùng được phân loại

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
		chứng thư xuất khẩu phù hợp với nhóm “Fishery Products” thay vì “Live Bivalve Molluscs (LBM)” đối với sản phẩm còi điệp đã tách vỏ và loại bỏ nội tạng, phù hợp với thực tiễn quản lý của EU, Canada và Vương quốc Anh.	yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Kiến nghị này không làm giảm yêu cầu quản lý ATTP mà nhằm thực hiện nguyên tắc công nhận tương đương (equivalence), bảo đảm mức độ kiểm soát ATTP tương đương với yêu cầu của EU, đồng thời tạo thuận lợi cho xuất khẩu.	
11	Chưa áp dụng nguyên tắc đánh giá rủi ro và lịch sử tuân thủ đối với việc kiểm nghiệm vi sinh nguyên liệu sò điệp nhập khẩu từ Faroe Islands để chế biến xuất khẩu sang EU. <i>Hiện doanh nghiệp vẫn phải cung cấp phiếu kết quả kiểm nghiệm vi sinh đối với 100% lô nguyên liệu nhập khẩu theo hướng dẫn của Cục NAFIQAD (nay là NAFIQPM) từ năm 2015, mặc dù nguồn nguyên liệu và hệ thống kiểm soát của Cơ quan có thẩm quyền của Faroe Islands (FFVA) đã duy trì ổn định, tuân thủ tốt trong hơn 10 năm và toàn bộ thành phẩm xuất khẩu</i>	Căn cứ vào nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên dữ liệu (Risk-based Inspection), đề nghị Cục NAFIQPM xem xét: Rà soát lại hồ sơ đánh giá rủi ro: Dựa trên dữ liệu tuân thủ liên tục trong hơn 10 năm qua của DN để làm cơ sở <u>điều chỉnh</u> quy trình kiểm soát. Áp dụng cơ chế giảm tần suất lấy mẫu: Cho phép áp dụng cơ chế quản lý rủi ro thay thế cho việc <u>kiểm tra 100% lô hàng</u>, cụ thể, đề xuất xem xét giảm tỷ lệ kiểm tra vi sinh xuống còn 10%	- Việc tiếp tục yêu cầu kiểm nghiệm vi sinh đối với 100% lô hàng sau hơn 10 năm tuân thủ liên tục không còn phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro và chưa phản ánh đúng mức độ rủi ro thực tế của nguồn nguyên liệu. - Trong suốt thời gian từ năm 2015 đến nay, 100% lô nguyên liệu đều đáp ứng tiêu chuẩn vi sinh của EU. Hệ thống kiểm soát của FFVA đã chứng minh tính ổn định và thành phẩm sau chế biến tiếp tục được NAFIQPM lấy mẫu, kiểm nghiệm trước khi xuất khẩu. - Việc chuyển sang cơ chế kiểm tra dựa trên lịch sử tuân thủ sẽ vẫn bảo đảm mục tiêu	Công văn số 430/QLCL-CL1 ngày 11/02/2015 của NAFIQAD (nay là NAFIQPM) về kiểm soát vi sinh đối với lô hàng bán thành phẩm sò điệp từ Faroe Islands nhập khẩu để chế biến xuất khẩu sang EU.

Stt	Vấn đề vướng mắc	Đề xuất	Lý do	Điều khoản liên quan của Văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung
	<i>sau đó đều tiếp tục được NAFIQPM kiểm tra, chứng nhận theo quy định.</i>	– 20% số lượng lô hàng đối với các lô hàng nhập khẩu từ nguồn cung này. .	quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đồng thời giảm chi phí kiểm nghiệm, rút ngắn thời gian thông quan, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu và phù hợp với xu hướng quản lý rủi ro đang được Việt Nam và nhiều nước áp dụng.	

B. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH: Không có đề xuất, kiến nghị

----- oOo -----